

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1209/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh
2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 838/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 481/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 591/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thủy T, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số H, đường LTB, Ấp 6A, xã TTĐ, huyện CC, Thành phố H. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1999

Nơi cư trú cuối cùng: Số T, đường HMM, Tổ B, Ấp A, xã TTĐ, huyện CC, Thành phố H. (Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 252/QĐST-VDS ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cử Chi)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Trần Thị Thủy T trình bày như sau:

Bà và ông Th tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 188, ngày 23/10/2020.

Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng rất hạnh phúc, sinh sống cùng nhau tại nhà cha mẹ của bà. Đến tháng 6 năm 2021, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt hàng ngày mỗi người một ý nên khó có tiếng nói chung. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho bà cảm thấy mệt mỏi, căng thẳng. Sau khi gây gỗ xong, ông Th bỏ nhà đi không nói cho bà biết ông đi đâu. Bà cũng có đến nhà cha mẹ của ông Th để hỏi thăm tin tức nhưng cũng không biết được ông Th đang sinh sống ở đâu, làm gì. Ông Th cũng không trở về thăm vợ, không liên lạc với bà. Sự việc kéo dài cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không đạt mục đích, đời sống chung không thể kéo dài vì mâu thuẫn hiện tại không nào thể hàn gắn được nữa. Bà cũng không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông Th. Nay bà làm đơn này xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Th.

Về con chung: Bà xác định không có.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Do ông Th đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 252/QĐST-VDS ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi nên bà cũng không yêu cầu tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử để bà được ly hôn dứt khoát với ông Th, bà không muốn hòa giải.

Bị đơn ông Nguyễn Minh Th đã bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 252/QĐST-VDS ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi nên hồ sơ không thể hiện ý kiến của ông Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 03 tháng 7 năm 2024, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Minh Th có nơi cư trú cuối cùng tại xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T:

Bà T và ông Th có tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 2020, cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 188, ngày 23/10/2020, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Bà T trình bày, đến tháng 6 năm 2021, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt hàng ngày mỗi người một ý nên khó có tiếng nói chung. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho bà cảm thấy mệt mỏi, căng thẳng. Sau khi gây gỗ xong, ông Th bỏ nhà đi không nói cho bà biết ông đi đâu. Bà cũng có đến nhà cha mẹ của ông Th để hỏi thăm tin tức nhưng cũng không biết được ông Th đang sinh sống ở đâu, làm gì. Ông Th cũng không trở về thăm vợ, không liên lạc với bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh nhưng ông Th vắng mặt không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Mặc khác, ông Th đã bỏ nhà đi không có tin tức, ông Th đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 252/QĐST-VDS ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi. Xét thấy, bà T và ông Th không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng trên thực tế không còn tồn tại. Theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Bà T xác định không có.

[4]. Về tài sản chung: Bà T xác định không có. Về nợ chung: Bà T xác định không có. Bị đơn ông Th vắng mặt, nếu có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thủy T và ông Nguyễn Minh Th.

2. Về con chung: Bà T xác định không có.

3. Về tài sản chung: Bà T xác định không có. Về nợ chung: Bà T xác định không có. Do ông Th vắng mặt, nếu ông Th có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015742 ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Túy Phượng